TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2023/HNGĐ-ST
Ngày 08 – 8 – 2023
V/v Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Huy Sơn.

2. Ông Võ Văn Thỏ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 08 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 04 năm 2023 về việc *"Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Võ Văn Đ, sinh năm 1992; địa chỉ: Khóm V, Phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Tiết Thị Hoài N, sinh năm 2001; địa chỉ: Số B, khóm V, Phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Võ Văn Đ trình bày:

Anh Võ Văn Đ và chị Tiết Thị Hoài N đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án số 141/2022/QĐCNTTLH ngày 28-12-2022 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Khi đó, vấn đề tài sản chung các bên thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, sau khi ly hôn các bên không tự thỏa thuận được việc phân chia tài sản chung gồm có:

- Một (01) cây bốn (04) chỉ vàng 24K (trong đó 01 dây chuyền + mặt dây chuyền 05 chỉ; 01 chiếc lắc 04 chỉ; 01 chiếc khâu 01 chỉ; 04 chiếc nhẫn 04 chỉ).

- Tám (08) chỉ vàng 18K (trong đó 01 đôi bông tai 01 chỉ; 01 bộ vòng 06 chỉ; 01 cặp nhẫn 01 chỉ).

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Võ Văn Đ đã rút lại một phần yêu cầu khởi kiện. Nay anh yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, gồm:

- Một (01) cây bốn (04) chỉ vàng 24K. Trong đó có 01 dây chuyền + mặt dây chuyền 05 chỉ; 01 chiếc lắc 04 chỉ; 01 chiếc khâu 01 chỉ; 04 chiếc nhẫn 04 chỉ.

- Sáu (06) chỉ vàng 18K (01 bộ vòng 06 chỉ).

Hiện tại số vàng do chị Tiết Thị Hoài N đang giữ. Anh Võ Văn Đ yêu cầu được nhận 40% giá trị tài sản tính theo giá vàng thực tế trên thị trường tại thời điểm Tòa án giải quyết hoặc xét xử sơ thẩm.

Ý kiến của bị đơn Tiết Thị Hoài Ngọc:

Việc ly hôn giữa chị và anh Võ Văn Đ đã được giải quyết xong.

Về số vàng mà anh Đ nêu, chị Tiết Thị Hoài N cho rằng đây là số nữ trang làm món quà dạm ngỏ, chỉ tuyên bố tặng cho cô dâu và chú rể không được đề cập tới khi cho. Nữ trang khi đó chị được cho gồm có:

- Vàng 24K có: Một (01) dây chuyền + mặt dây chuyền 05 chỉ, một (01) chiếc lắc 04 chỉ; một (01) chiếc khâu 01 chỉ. Tổng cộng 10 chỉ vàng 24K.

- Vàng 18K có: Một (01) đôi bông tai 01 chỉ; một (01) bộ vòng 06 chỉ; một (01) chiếc nhẫn cưới 05 phân. Tổng cộng là 07 chỉ 05 phân vàng 18K.

Số vàng còn lại anh Đ nêu là do khách đến nhà chị N dự tiệc thì tặng quà cho chị N chứ không liên quan gì tới anh Đ.

Đồng thời, khi về sống chung thì vợ chồng đã bán tiêu xài và khám bệnh cho anh Đ (mổ Amedan, khám sức khỏe tổng quát của vợ chồng, v.v.). Đến ngày chia tay thì chị không còn giữ số vàng nào, nên đối với yêu cầu của anh Đ về việc chia tài sản chung, chị N không đồng ý.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, đối với 14 chỉ vàng 24K và 06 chỉ vàng 18K, anh Đ chỉ yêu cầu được chia 30% giá trị số vàng theo giá vàng thực tế tại thời điểm xét xử. Trường hợp tính ra số tiền của 30% giá trị vàng có nhiều hơn 30.000.000 đồng thì anh Đ chỉ yêu cầu được nhận đúng 30.000.000 đồng, phần còn lại anh đồng ý giao cho chị N.

- Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn với bị đơn cư trú tại thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc "*Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Tiết Thị Hoài Ngọc đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tài sản là 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 18K và 01 cặp nhẫn 01 chỉ vàng 18K. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Đối với 14 chỉ vàng 24K và 06 chỉ vàng 18K còn lại, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, nay anh chỉ yêu cầu được chia 30% giá trị số vàng. Trường hợp tính ra 30% giá trị vàng có nhiều hơn 30.000.000 đồng thì anh chỉ yêu cầu được nhận đúng 30.000.000 đồng. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về nội dung vụ án, nguyên đơn trình bày và yêu cầu về số vàng là tài sản chung mà vợ chồng được gia đình, họ hàng tặng cho trong ngày cưới gồm có: 14 chỉ vàng 24K (trong đó có 01 dây chuyền cùng mặt dây chuyền 05 chỉ, 01 chiếc lắc 04 chỉ, 01 chiếc khâu 01 chỉ, 04 chiếc nhẫn 04 chỉ) và 06 chỉ vàng 18K (là bộ vòng 06 chỉ). Đối với bông tai và nhẫn cưới, nguyên đơn thừa nhận đây là trang sức cho riêng cô dâu nên không yêu cầu phân chia. Ngoài ra, vợ chồng không có tài sản chung nào khác. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có văn bản tường trình thừa nhận có số vàng này và khi vợ chồng còn chung sống thì chị là người cất giữ. Tuy nhiên, chị N cho rằng đây là số nữ trang làm món quà dạm ngỏ, chỉ tuyên bố tặng cho cô dâu và chú rễ không được đề cập tới khi cho nên đây là tài sản riêng của chị, không phải là tài sản chung của vợ chồng.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, theo phong tục tập quán ở địa phương thì ngày cưới là thời điểm quan hệ vợ chồng được xác lập trên thực tế, được bà con, họ hàng chứng kiến và thừa nhận. Do nữ trang cô dâu là vật trang sức dành cho nữ giới nên khi tặng cho thì gia đình, họ hàng hai bên đeo lên người cô dâu, nhưng ý chí của bên cho là cho vợ chồng để làm vốn gây dựng cuộc sống chung. Mặt khác, đối với anh Đ và chị N thì số nữ trang nêu trên lại chiếm giá trị rất lớn so với khối tài sản chung của vợ chồng. Chị Tiết Thị Hoài N cho rằng đây là tài sản riêng nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào chứng minh được đây là tài sản được

tặng cho riêng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 33, Điều 43 của Luật Hôn nhân và gia đình xác định số vàng gồm 14 chỉ vàng 24K và 06 chỉ vàng 18K là tài sản chung của anh Đ và chị N.

[7] Trong thời gian vợ chồng còn chung sống, chị N cho rằng vợ chồng đã bán hết số vàng nêu trên để lấy tiền trị bệnh và tiêu xài nhưng anh Đ không thừa nhận. Tòa án đã có văn bản yêu cầu chị N cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc số vàng đã được bán hết theo lời trình bày của mình, nhưng đến nay chị vẫn không cung cấp, đây là nghĩa vụ chứng minh của chị N theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị không thực hiện được. Do vậy, không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét lời trình bày của chị N.

[8] Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình, tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn được chia đôi và phân chia bằng hiện vật. Tuy nhiên, anh Võ Văn Đ chỉ yêu cầu nhận 30% giá trị tài sản. Giá vàng tại thời điểm xét xử là 5.570.000 đồng đối với vàng 24K và 4.113.000 đồng đối với vàng 18K. Như vậy, tổng giá trị tài sản chung của anh Đ và chị N được xác định là 102.658.000 đồng x 30% = 30.797.400 đồng. Tại phiên tòa, anh Đ tự nguyện xin nhận giá trị bằng 30.000.000 đồng, còn lại giao cho chị N. Đây là sự tự định đoạt của nguyên đơn, phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho phía bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, buộc chị N có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Đ giá trị tài sản được chia tương đương 30.000.000 đồng, phần còn lại chị N được chia tương đương số tiền 72.658.000 đồng.

[9] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản mà mình được nhận, theo quy định tại khoản 2 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33, Điều 43, khoản 2, khoản 3 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Văn Đ đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 18K và 01 cặp nhẫn 01 chỉ vàng 18K.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Văn Đ.

Phân chia tài sản chung của anh Võ Văn Đ và chị Tiết Thị Hoài N:

- Anh Võ Văn Đ được nhận giá trị tài sản bằng 30.000.000 đồng.

- Chị Tiết Thị Hoài N có nghĩa vụ hoàn lại cho anh Võ Văn Đ giá trị tài sản bằng 30.000.000 đồng và được sở hữu toàn bộ tài sản gồm: 14 chỉ vàng 24K (trong đó có 01 dây chuyền cùng mặt dây chuyền 05 chỉ, 01 chiếc lắc 04 chỉ, 01 chiếc khâu 01 chỉ, 04 chiếc nhẫn 04 chỉ) và 06 chỉ vàng 18K (01 bộ vòng).

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

- Anh Võ Văn Đ phải chịu 1.500.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 đồng. Trả lại cho anh Võ Văn Đ số tiền tạm ứng án phí còn lại 1.000.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0006410 ngày 21-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Chị Tiết Thị Hoài N phải chịu án phí 3.632.900 đồng

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Lâm